

Số: 89/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn về điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại để thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

2. Đối tượng áp dụng:

2.1 Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại) thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.2 Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Hình thức thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Ngân hàng thương mại cho vay thực hiện việc hỗ trợ lãi suất hoặc hỗ trợ phân chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn thuộc đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại hoặc cấp bù phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Các ngân hàng thương mại tổ chức thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các khoản vay được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất là các khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

2.1 Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu và đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.2 Các khoản vay trả nợ trong hạn tại thời điểm hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất; không thực hiện hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

2.3 Các khoản vay đã ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng thương mại từ ngày Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành đến trước ngày 31/12/2020.

Điều 4. Mức hỗ trợ, cấp bù và nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Mức hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

1.1 Các khoản vay để mua các loại máy móc, thiết bị quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất trong 02 năm đầu, 50% lãi suất trong năm thứ ba. Thời điểm hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

1.2 Các khoản vay để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị; các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch giữa lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Thời điểm cấp bù chênh lệch lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

Thời gian được nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất bằng thời hạn cho vay quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, tối đa không quá 12 năm.

1.3 Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được áp dụng cho vay cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

1.4 Mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg là mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ.

2. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp được bố trí trong dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay tín dụng ưu đãi (vốn đầu tư phát triển) của ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các ngân hàng thương mại căn cứ dự kiến dư nợ cho vay để mua máy móc, thiết bị, đầu tư dây chuyền máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp của năm sau để xây dựng kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất cho năm kế hoạch (có chia ra từng quý) gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Riêng năm 2014, muộn nhất sau 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất của ngân sách trung ương để cấp bù cho các ngân hàng thương mại cho vay thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2. Việc lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất năm được thực hiện theo công thức sau đây:

2.1 Đối với lãi suất vay vốn được hỗ trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ} \\ \text{trợ kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ trợ} \\ \text{của dư nợ cũ đã phát} \\ \text{sinh (nêu tại Tiết a} \\ \text{Điểm này)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ} \\ \text{trợ dự kiến phát sinh} \\ \text{trong năm kế hoạch} \\ \text{(nêu tại Tiết b Điểm} \\ \text{này)} \end{array}$$

a) Đối với những dư nợ cũ đã phát sinh (bao gồm cả số ước thực hiện đến 31/12 của năm trước năm kế hoạch):

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ trợ} \\ \text{của dư nợ cũ đã phát} \\ \text{sinh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay bình} \\ \text{quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức lãi suất hỗ trợ} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân được ngân hàng thương mại tính toán trên cơ sở bình quân số dư nợ đã thực hiện cho vay.

- Mức lãi suất hỗ trợ bình quân bằng 100% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong 2 năm đầu, bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của

ngân hàng thương mại trong năm thứ ba được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Đối với những dư nợ sẽ phát sinh trong năm kế hoạch:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ trợ} \\ \text{dự kiến phát sinh} \\ \text{trong năm kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay bình} \\ \text{quân dự kiến của năm} \\ \text{được hỗ trợ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức lãi suất hỗ trợ} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được hỗ trợ được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm kế hoạch và dư nợ cuối năm kế hoạch.

- Mức lãi suất hỗ trợ bình quân bằng 100% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong 2 năm đầu, bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong năm thứ ba được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2.2 Đối với lãi suất vay vốn được cấp bù:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh} \\ \text{lệch được cấp bù} \\ \text{kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù của dư nợ} \\ \text{cũ đã phát sinh (nêu} \\ \text{tại Tiết a Điểm này)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù dự kiến} \\ \text{phát sinh trong năm kế} \\ \text{hoạch (nêu tại Tiết b} \\ \text{Điểm này)} \end{array}$$

a) Đối với những dư nợ cũ đã phát sinh (bao gồm cả số ước thực hiện đến 31/12 của năm trước năm kế hoạch):

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù của dư} \\ \text{nợ cũ đã phát sinh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ đã cho vay bình} \\ \text{quân được cấp bù} \\ \text{chênh lệch lãi suất} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức chênh lệch lãi} \\ \text{suất cấp bù bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ đã cho vay bình quân được cấp bù chênh lệch lãi suất được ngân hàng thương mại tính toán trên cơ sở bình quân số dư nợ đã thực hiện cho vay.

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân là chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, được tính theo công thức bình quân số học giữa mức chênh lệch lãi suất cấp bù đầu năm và cuối năm.

b) Đối với những dư nợ ước sẽ phát sinh trong năm kế hoạch:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù dự kiến} \\ \text{phát sinh trong năm kế} \\ \text{hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay bình} \\ \text{quân dự kiến của năm} \\ \text{được cấp bù} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức chênh lệch lãi} \\ \text{suất cấp bù bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được cấp bù được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm kế hoạch và dư nợ cuối năm kế hoạch.



- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân là chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, được tính theo công thức bình quân số học giữa mức chênh lệch lãi suất cấp bù đầu năm và cuối năm.

3. Tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và tạm cấp bù chênh lệch lãi suất hàng quý:

Tối đa sau 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thực hiện quý theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này kèm văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính sẽ thực hiện tạm cấp bằng 80% số tiền hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thực hiện quý trước nhưng số tiền tạm cấp lũy kế tính từ đầu năm không vượt quá dự toán được giao đầu năm. Trường hợp không thực hiện tạm cấp, Bộ Tài chính có văn bản trả lời nguyên nhân và hướng dẫn các ngân hàng thương mại cách thức xử lý trong thời hạn 20 ngày làm việc.

4. Phương pháp xác định số tiền lãi được hỗ trợ và số tiền lãi chênh lệch được cấp bù:

4.1 Đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất vốn vay theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg:

a) Số tiền lãi được hỗ trợ cho một khoản vay được tính theo phương pháp tích số giữa mức lãi suất hỗ trợ với dư nợ cho vay và thời gian vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi được hỗ trợ thực tế} = \sum_{i=1}^n \text{Mức lãi suất hỗ trợ} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay cùng kỳ) với số ngày dư nợ thực tế trong tháng}}{30}$$

Trong đó:

- Mức lãi suất hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị: % tháng.

- n là số ngày dư nợ thực tế trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

b) Số tiền lãi được hỗ trợ của các ngân hàng thương mại là tổng số tiền lãi hỗ trợ thực tế của tất cả các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất.

c) Các ngân hàng thương mại sử dụng công thức trên để xác định số tiền hỗ trợ lãi suất đề nghị Bộ Tài chính cấp bù.

4.2 Đối với các khoản vay được cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg:

a) Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù cho một khoản vay được tính theo phương pháp tích số giữa mức chênh lệch lãi suất được cấp bù với dư nợ cho vay và thời gian vay vốn được cấp bù lãi suất theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù thực tế} = \sum_{i=1}^n \text{Mức chênh lệch lãi suất cấp bù} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay cùng kỳ) với số ngày dư nợ thực tế trong tháng}}{30}$$

30

Trong đó:

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị: % tháng.

- n là số ngày dư nợ thực tế phát sinh trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

b) Số tiền lãi chênh lệch được cấp bù của ngân hàng thương mại là tổng số lãi cấp bù thực tế của tất cả các khoản vay thuộc đối tượng được cấp bù lãi suất xác định theo quy định tại tiết a điểm 4.2 khoản 4 Điều này.

c) Ngân hàng thương mại sử dụng công thức trên để xác định số tiền chênh lệch lãi suất đề nghị Bộ Tài chính cấp bù.

5. Quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

5.1 Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại phải gửi hồ sơ đề nghị quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Bộ Tài chính. Đối với các trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các ngân hàng thương mại nhà nước trong thời hạn 10 ngày làm việc.

5.2 Hồ sơ đề nghị quyết toán:

a) Hồ sơ đề nghị quyết toán đối với khoản vay được hỗ trợ lãi suất vay vốn:

- Báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn đã được kiểm toán bởi Kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước (Phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư này).

- Báo cáo theo từng tỉnh về quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn (Phụ lục 2 ban hành kèm Thông tư này).

b) Hồ sơ đề nghị quyết toán đối với khoản vay được cấp bù chênh lệch lãi suất:

- Báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về quyết toán chênh lệch lãi suất cấp bù theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển đã được kiểm toán bởi Kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước (Phụ lục 3 ban hành kèm Thông tư này).

- Báo cáo theo từng tỉnh về quyết toán chênh lệch lãi suất cấp bù theo lãi suất tín dụng đầu tư phát triển (Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này).

5.3 Các ngân hàng thương mại tổ chức sao, lưu chứng từ, các báo cáo chi tiết theo từng khoản hỗ trợ lãi suất đảm bảo tính chính xác, minh bạch rõ ràng để tạo điều kiện cho công tác thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất quy định tại Điểm 5.4 Khoản 5 Điều này.

5.4 Thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

a) Bộ Tài chính tiến hành thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

b) Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản các chi nhánh của ngân hàng thương mại được lựa chọn để thực hiện thẩm tra quyết toán.

c) Các ngân hàng thương mại có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ chi tiết theo từng khoản vay, được tổng hợp theo từng chi nhánh được lựa chọn để thực hiện thẩm tra quyết toán như sau:

- Hợp đồng tín dụng, khế ước hoặc các giấy tờ tương đương để xác định đối tượng khách hàng vay vốn, tình hình thực hiện cho vay, dư nợ, thu nợ.

- Bảng kê tích số để xác định số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

- Giấy xác nhận của khách hàng trực tiếp vay vốn về việc đã được hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất theo năm trong đó có liệt kê từng lần được hỗ trợ dưới mọi hình thức.

- Văn bản thông báo lãi suất cho vay thấp nhất để làm căn cứ phê duyệt quyết toán số hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

Các tài liệu nêu trên là bản phôtô có đóng dấu sao y bản chính của các ngân hàng thương mại (số lượng 01 bộ) và được người có trách nhiệm ký, ghi rõ họ tên.

d) Việc thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất được thực hiện trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất của các ngân hàng thương mại.

5.5 Xử lý chênh lệch số liệu quyết toán và số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất:

- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số báo cáo quyết toán có xác nhận của cơ quan kiểm toán và số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm điều chỉnh trên sổ sách kế toán để phản ánh chính xác số quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất.

- Trường hợp số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất đã được ngân sách nhà nước chuyển tiền cao hơn số thẩm tra quyết toán thì số chênh lệch sẽ được Bộ Tài chính thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

- Trường hợp số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất đã được ngân sách nhà nước chuyển tiền thấp hơn số thẩm tra quyết toán thì số chênh lệch sẽ được ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

- Việc xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số tạm cấp hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất được thực hiện trong thời gian 45 ngày kể từ ngày của Biên bản thẩm tra quyết toán.

- Trường hợp phải kéo dài thời gian xử lý chênh lệch giữa số liệu quyết toán và số thẩm tra quyết toán hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất và các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

6. Xử lý thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất trong trường hợp khách hàng vay vốn có sai phạm trong việc sử dụng vốn vay:

- Trong thời gian cho vay vốn, nếu phát hiện khách hàng có sai phạm trong việc sử dụng vốn vay thì các ngân hàng thương mại tiến hành thu hồi ngay số tiền tương ứng với phần lãi suất ngân sách nhà nước đã hỗ trợ và/hoặc cấp bù đối với khoản vay của khách hàng tại ngân hàng và hoàn trả ngân sách nhà nước đồng thời xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu sai phạm của khách hàng vay vốn được phát hiện sau khi Bộ Tài chính thực hiện thẩm tra quyết toán thì các ngân hàng thương mại có trách nhiệm thu hồi số tiền tương ứng với phần lãi suất ngân sách đã hỗ trợ và/hoặc cấp bù đối với khoản vay của khách hàng tại ngân hàng và hoàn trả ngân sách nhà nước. Trường hợp đã dùng mọi biện pháp để thu hồi nhưng không thu hồi được, các ngân hàng thương mại có báo cáo cụ thể từng trường hợp gửi về Bộ Tài chính để được hướng dẫn xử lý.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Đối với báo cáo quý:

Định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý tiếp theo), các ngân hàng thương mại tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất của chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp của toàn hệ thống, đánh giá tình hình thực hiện và gửi về Bộ Tài chính.

2. Đối với báo cáo năm:

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại gửi báo cáo thực hiện năm cho Bộ Tài chính gồm:

- Số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn và chênh lệch lãi suất đã được tạm cấp trong năm.

- Số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn và chênh lệch lãi suất phát sinh thực tế đề nghị được cấp cả năm.

- Hồ sơ đề nghị quyết toán theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vay được hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010, Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản thì vẫn áp dụng quy định về mức, nguồn vốn, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất, chế độ báo cáo tại Thông tư số 188/2012/TT-BTC ngày 07/11/2012 của Bộ Tài chính.

2. Đối với các khoản vay được ký kết từ ngày Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg có hiệu lực (ngày 01/01/2014) và đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

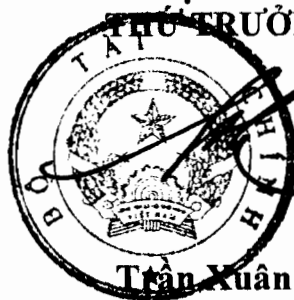
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2014.
2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Vụ NSNN, Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ TCNH. (220)

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

PHỤ LỤC 1

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TOÀN HỆ THỐNG VỀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

(Quý/ Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 04/ 7/ 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

| Tên | Dư nợ đầu kỳ | Cho vay trong kỳ | Thu nợ trong kỳ | Dư nợ cuối kỳ | Số tiền đã hỗ trợ lãi suất | | Số tiền đã thu hồi hỗ trợ lãi suất | |
|-----------------|--------------|------------------|-----------------|---------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------|
| | | | | | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo |
| 1. Chi nhánh... | | | | | | | | |
| 2. Chi nhánh... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | |

* Ghi chú:

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Người lập biểu

Kiểm soát

Ngày...tháng...năm

Tổng giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO THEO TỈNH VỀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

(Quý/ Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/ 7/ 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

| Tên | Dư nợ đầu kỳ | Cho vay trong kỳ | Thu nợ trong kỳ | Dư nợ cuối kỳ | Số tiền đã hỗ trợ lãi suất | | Số tiền đã thu hồi hỗ trợ lãi suất | |
|----------------|--------------|------------------|-----------------|---------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------|
| | | | | | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo |
| 1. Huyện... | | | | | | | | |
| 2. Huyện... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | |

* Ghi chú:

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Người lập biểu

Kiểm soát

Ngày...tháng...năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TOÀN HỆ THỐNG VỀ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT CẤP BÙ THEO LÃI SUẤT TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Quý/ Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

| Tên | Dư nợ đầu kỳ | Cho vay trong kỳ | Thu nợ trong kỳ | Dư nợ cuối kỳ | Số tiền đã cấp bù lãi suất | | Số tiền cấp bù lãi suất đã thu hồi | |
|-----------------|--------------|------------------|-----------------|---------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------|
| | | | | | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo |
| 1. Chi nhánh... | | | | | | | | |
| 2. Chi nhánh... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | |

* Ghi chú:

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Người lập biểu

Kiểm soát

Ngày...tháng...năm
Tổng giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO THEO TỈNH VỀ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT CẤP BÙ THEO LÃI SUẤT TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Quý/ Năm)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

| Tên | Dư nợ đầu kỳ | Cho vay trong kỳ | Thu nợ trong kỳ | Dư nợ cuối kỳ | Số tiền đã cấp bù lãi suất | | Số tiền cấp bù lãi suất đã thu hồi | |
|----------------|--------------|------------------|-----------------|---------------|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------|
| | | | | | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo |
| 1. Huyện... | | | | | | | | |
| 2. Huyện... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | |

* Ghi chú:

- Số tiền lũy kế được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai chương trình cho vay.

Người lập biểu

Kiểm soát

Ngày...tháng...năm

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)